

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định thời gian Quyết định, phê chuẩn và biểu mẫu lập các báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, quyết toán ngân sách địa phương hằng năm của UBND các cấp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH  
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;*

*Xét Tờ trình số 600/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định thời gian quyết định, phê chuẩn và biểu mẫu lập các báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

Thông nhất thông qua quy định thời gian quyết định, phê chuẩn và biểu mẫu lập các báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, quyết toán ngân sách địa phương hằng năm của UBND các cấp, như sau:

**Điều 1. Thời gian phê chuẩn quyết toán ngân sách, thời gian gửi báo cáo của Ủy ban nhân dân các cấp cho Hội đồng nhân dân các cấp**

1. Thời gian Hội đồng nhân dân cấp huyện (huyện, thành phố) và cấp xã (xã, phường, thị trấn) phê chuẩn quyết toán ngân sách năm trước của địa phương tại kỳ họp Hội đồng nhân dân giữa năm sau.

2. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp

**a) Cấp tỉnh**

- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất ngày 18 tháng 11 năm sau;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cuối năm sau.

**b) Cấp huyện và cấp xã**

- Thời gian Ủy ban nhân dân gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra và cho ý kiến, đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp, chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cùng cấp, chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.

3. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất ngày 18 tháng 11 năm thứ 5 của giai đoạn trước;

b) Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

c) Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cuối năm thứ 5 của giai đoạn trước.

4. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp

a) Cấp tỉnh

- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 26 tháng 10 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất ngày 09 tháng 11 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

b) Cấp huyện

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 11 tháng 6 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cấp huyện, chậm nhất ngày 18 tháng 6 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

### c) Cấp xã

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 11 tháng 3 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cấp xã, chậm nhất ngày 18 tháng 3 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương

- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 18 tháng 11 hằng năm;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

6. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi dự toán, phân bổ ngân sách địa phương đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp

#### a) Cấp tỉnh

- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 18 tháng 11 hằng năm;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

#### b) Cấp huyện

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 11 tháng 12 hằng năm;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cấp huyện, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

c) Cấp xã

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 21 tháng 12 hằng năm;

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo;

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cấp xã, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

7. Thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới

a) Cấp tỉnh: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

b) Cấp huyện: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua;

c) Cấp xã: Trước ngày 31 tháng 12 của năm hiện hành.

**Điều 2. Thời gian gửi báo cáo quyết toán ngân sách các cấp**

1. Đối với ngân sách các cấp

a) Đối với ngân sách cấp xã: Báo cáo quyết toán ngân sách cấp xã gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: Chậm nhất ngày 30 tháng 3 năm sau. Sau khi được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bổ sung quyết toán ngân sách gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện;

b) Đối với ngân sách cấp huyện: Sau khi thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách của cơ quan, đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp xã, tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách cấp huyện gửi Sở Tài chính chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm sau. Kèm theo các thông báo thẩm định quyết toán ngân sách các đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp xã;

c) Đối với ngân sách cấp tỉnh: Sau khi thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách của cơ quan, đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp huyện, Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, để trình Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi Bộ Tài chính chậm nhất ngày 01 tháng 10 năm sau.

2. Đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện

a) Cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, nhưng phải đảm bảo thời gian gửi báo cáo quyết toán năm cho Hội đồng nhân dân tỉnh và Sở Tài chính theo quy định;

b) Cấp huyện, do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định, nhưng phải đảm bảo thời gian gửi báo cáo quyết toán năm cho Hội đồng nhân dân cùng cấp và Sở Tài chính theo quy định.

### **Điều 3. Quy định biểu mẫu**

Biểu mẫu các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp trên, cơ quan Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư phục vụ công tác lập báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương (có Phụ lục và Biểu mẫu kèm theo).

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong trường hợp phát sinh các biểu mẫu khác theo quy định của Trung ương, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng quy định.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 4 năm 2018.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2005/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2005 của HĐND tỉnh Tây Ninh quy định thời gian gửi báo cáo dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp đến Hội đồng nhân dân cùng cấp. / XAM ✓

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán nhà nước khu vực IV;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP HĐND tỉnh.



**Nguyễn Thành Tâm**

Phụ lục  
HỆ THỐNG BIỂU MẪU

**QUY ĐỊNH BIỂU MẪU PHỤC VỤ LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM ĐỊA PHƯƠNG, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ  
CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM ĐỊA PHƯƠNG, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH-NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM ĐỊA  
PHƯƠNG, DỰ TOÁN, PHÂN BỐ NGÂN SÁCH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(kèm theo Nghị quyết số 02 /2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của HĐND tỉnh Tây Ninh)

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Phần thứ nhất	<b>Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương</b>		
Biểu mẫu số 01	Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn năm ... - ...	Dùng cho Cục Thống kê, Cục Hải quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và một số đơn vị có liên quan cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh.	
Biểu mẫu số 02	Kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 05 năm ...-...	- Dùng cho UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính và UBND cấp trên; - Dùng cho Cục Thuế, Cục Hải quan cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh.	
<b>Phần thứ hai</b>	<b>Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương</b>		
Biểu mẫu số 03	Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm ...-...		
Biểu mẫu số 04	Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị và địa phương giai đoạn 05 năm		Dùng cho các cơ quan, đơn vị và UBND cấp dưới báo cáo cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính và UBND cấp trên.
Biểu mẫu số 05	Danh mục chương trình, dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước giai đoạn 05 năm ...-...		
Biểu mẫu số 06	Danh mục chương trình, dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) giai đoạn 05 năm ... - ...		

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
<b>Phần thứ ba</b>	<b>Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương</b>		
Biểu mẫu số 07	Dự kiến cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm ...-...	Dùng cho UBND cấp tỉnh. Dùng cho UBND cấp huyện.	
Biểu mẫu số 08	Dự kiến thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm ...-... ...	- Dùng cho UBND cấp tỉnh; - Dùng cho Cục Thuế Tài chính báo cáo UBND tỉnh. - Dùng cho UBND cấp huyện, huyện cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh.	
Biểu mẫu số 09	Dự kiến cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện giai đoạn 03 năm ...-...	Dùng cho UBND cấp tỉnh.	
Biểu mẫu số 10	Dự kiến chi ngân sách cấp tỉnh theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm ...-...	Dùng cho Sở Tài chính.	
Biểu mẫu số 11	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm ...-...	- Dùng cho UBND cấp tỉnh; - Dùng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện; - Dùng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính.	
<b>Phần thứ tư</b>	<b>Dự toán ngân sách địa phương</b>		
	1. Tình hình thực hiện ngân sách địa phương năm hiện hành		
Biểu mẫu số 12	Đánh giá cân đối ngân sách địa phương năm...		
Biểu mẫu số 13	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 14	Đánh giá thực hiện chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi		
	2. Dự toán ngân sách địa phương năm sau		
Biểu mẫu số 15	Cân đối ngân sách địa phương năm...		
Biểu mẫu số 16	Dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 17	Dự toán chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm...		
Biểu mẫu số 18	Bội chi và phương án vay - trả nợ ngân sách địa phương năm...		
<b>Phần thứ năm</b>	<b>Phân bổ ngân sách địa phương</b>		
	1. Tình hình thực hiện ngân sách địa phương năm hiện hành		
Biểu mẫu số 19	Đánh giá cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 20	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) năm...		



Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Biểu mẫu số 21	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 22	Đánh giá thực hiện chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và chi ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm...		
Biểu mẫu số 23	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 24	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 25	Đánh giá thực hiện chi đầu tư phát triển ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 26	Đánh giá thực hiện chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 27	Đánh giá thực hiện chi cân đối ngân sách từng huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 28	Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm...		
Biểu mẫu số 29	Đánh giá thực hiện thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm..(không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)		
2.	<b>Phân bố dự toán ngân sách địa phương năm sau</b>		
Biểu mẫu số 30	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 31	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã)		
Biểu mẫu số 32	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 33	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm...		
Biểu mẫu số 34	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 35	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 36	Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 37	Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Biểu mẫu số 38	Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm....		
Biểu mẫu số 39	Dự toán thu, chi ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm....		
Biểu mẫu số 40	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm....		
Biểu mẫu số 41	Dự toán chi ngân sách địa phương từng huyện (xã) năm....		
Biểu mẫu số 42	Dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) năm....		
Biểu mẫu số 43	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) để thực hiện các chương trình mục tiêu năm....		
Biểu mẫu số 44	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) để thực hiện các chế độ, nhiệm vụ và chính sách theo quy định năm....		
Biểu mẫu số 45	Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm....		
Biểu mẫu số 46	Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm....		
Biểu mẫu số 47	Kế hoạch thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm.... (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)		
<b>Phần thứ sáu</b>	<b>Quyết toán ngân sách địa phương</b>		
Biểu mẫu số 48	Quyết toán cân đối ngân sách địa phương năm....		
Biểu mẫu số 49	Quyết toán cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm....		
Biểu mẫu số 50	Quyết toán nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực năm....		
Biểu mẫu số 51	Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm....		
Biểu mẫu số 52	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực năm....		
Biểu mẫu số 53	Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và chi ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm....		
Biểu mẫu số 54	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm....		



Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Chi chú
Biểu mẫu số 55	Quyết toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 56	Quyết toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		
Biểu mẫu số 57	Tổng hợp quyết toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) của từng cơ quan, tổ chức theo nguồn vốn năm...		
Biểu mẫu số 58	Quyết toán chi ngân sách địa phương từng huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 59	Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 60	Quyết toán thu ngân sách huyện (xã) năm...		
Biểu mẫu số 61	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm...		
Biểu mẫu số 62	Quyết toán vốn đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm...		
Biểu mẫu số 63	Tổng hợp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm...		
Biểu mẫu số 64	Tổng hợp thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm... (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)		
<b>Phần thứ bảy</b>	<b>Một số biểu mẫu bổ sung phục vụ báo cáo kế hoạch 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm</b>		
Biểu mẫu số 65	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí và lệ phí giai đoạn năm ...-...		
Biểu mẫu số 66	Báo cáo biên chế - tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể giai đoạn năm ...-...		
Biểu mẫu số 67	Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề giai đoạn năm ...-...		
Biểu mẫu số 68	Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình giai đoạn năm ...-...		
Biểu mẫu số 69	Cơ sở tính chi sự nghiệp khoa học và công nghệ giai đoạn năm ...-...		
Biểu mẫu số 70	Cơ sở tính chi sự nghiệp văn hóa thông tin giai đoạn năm ...-...		
Biểu mẫu số 71	Cơ sở tính chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn giai đoạn năm ...-...		

- Dùng cho các cơ quan, đơn vị báo cáo cơ quan thuế, cơ quan tài chính và UBND cùng cấp;  
- UBND cấp dưới cung cấp số liệu cho Cục Thuế, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Dùng cho các cơ quan, đơn vị báo cáo cơ quan tài chính và UBND cùng cấp;

- UBND cấp dưới cung cấp số liệu cho Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
Biểu mẫu số 72	Cơ Sở tính chi sự nghiệp thể dục thể thao giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 73	Cơ sở tính chi sự nghiệp bảo vệ môi trường giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 74	Cơ sở tính chi các hoạt động kinh tế giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 75	Chi tiết chi hoạt động kinh tế theo chương trình/dự án giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 76	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 77	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng giai đoạn năm ...-...-...		
Biểu mẫu số 78	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách trợ giúp xã hội giai đoạn năm ...-...-...		

**DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN NĂM ...-.....**  
**(Dùng cho ngân sách tỉnh - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn trước	Thực hiện giai đoạn trước						Kế hoạch giai đoạn...
				Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Tổng sản phẩm trong nước (GRDP) theo giá hiện hành	Triệu đồng								
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%								
3	Cơ cấu kinh tế									
-	<i>Nông, lâm, ngư nghiệp</i>	%								
-	<i>Công nghiệp, xây dựng</i>	%								
-	<i>Dịch vụ</i>	%								
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%								
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn	Triệu đồng								
	<i>Tỷ lệ so với GRDP</i>	%								
-	Vốn ngân sách nhà nước	Triệu đồng								
-	Vốn tín dụng	Triệu đồng								
-	Vốn doanh nghiệp và dân cư	Triệu đồng								
-	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu đồng								
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD								
	<i>Tốc độ tăng</i>	%								
7	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD								
	<i>Tốc độ tăng</i>	%								
8	Dân số	1.000 người								
9	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng								
10	Giải quyết việc làm mới	1.000 lao động								
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%								
12	Tỷ lệ hộ nghèo	%								
13	Tỷ lệ giảm hộ nghèo	%/năm								
14	Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%								
15	Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	Xã								
16	.....									

*Ghi chú: Cột 9 không chi tiết từng năm.*

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM ... -...  
(Dùng cho ngân sách tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn trước	Thực hiện giai đoạn trước					Kế hoạch giai đoạn .... (2)	
			Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư		Năm thứ năm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>A</b>	<b>TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH</b>								
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>								
	Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)								
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)								
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)								
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất								
	Thu xổ số kiến thiết								
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô (nếu có)</b>								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)</b>								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ (nếu có)</b>								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
<b>C</b>	<b>TỔNG THU NSDP</b>								
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)								
	Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)								
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)								
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)								
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách								
	- Thu bổ sung có mục tiêu								
<b>D</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>								
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)								
	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)								
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (1)</b>								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)								
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)								
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)								
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>								
<b>E</b>	<b>BỘI CHI/BỘI THU NSDP</b>								
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP</b>								
<b>I</b>	<b>Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP</b>								
<b>II</b>	<b>Mức dư nợ đầu kỳ (năm)</b>								
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)								
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)								
<b>III</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)</b>								
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc								
	- Từ nguồn bội thu NSDP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh								
<b>IV</b>	<b>Tổng mức vay trong kỳ (năm)</b>								
	- Vay để bù đắp bội chi								
	- Vay để trả nợ gốc								
<b>V</b>	<b>Mức dư nợ cuối kỳ (năm)</b>								
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)								
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)								

Ghi chú : (1) Năm đầu tiên kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Cột 8 không chi tiết từng năm





Biểu

**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 05 NĂM.....**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó				Trong đó			
			Vốn trong nước		Vốn nước ngoài		Vốn trong nước		Vốn nước ngoài	
			Tổng số	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP	Tổng số	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP	Tổng số	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP	Tổng số	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
	Tổng số									
1	Cơ quan A									
2	Tổ chức B									
3	.....									
4	Huyện A									
5	Thành phố TN									
6	.....									
7	Xã A									
8	Phường B									
9	Thị trấn C									

Biểu mẫu số 03

**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 05 NĂM .....**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm...(2)			Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm...(2)			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ</b>							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất							
2	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết							
3	Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức							
4	Bội chi/ bội thu NSDP (1)							
<b>II</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
a	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
	Phân loại như trên							
...	...							
2	Các chương trình mục tiêu							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
a	Chương trình mục tiêu ...							
	Trong đó:							
	- Vốn trong nước							
	- Vốn nước ngoài							
b	Chương trình mục tiêu ...							
	Phân loại như trên							
...	...							
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</b>							
1	Vốn trong nước							
2	Vốn nước ngoài							

**Ghi chú :** (1) Theo quy định tại Điều 7 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có bội chi ngân sách địa phương;  
(2) Ngân sách cấp xã không phải lập chi tiêu cột 2, 3, 5, 6.







**DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ....**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	So sánh		Dự toán ngân sách năm N (2)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
				Tuyệt đối	Tương đối			
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5	6	7
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>							
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>							
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>							
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách							
2	Thu bổ sung có mục tiêu							
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>							
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>							
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>							
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>							
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>							
1	Chi đầu tư phát triển (1)							
2	Chi thường xuyên							
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay							
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
5	Dự phòng ngân sách							
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương							
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>							
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia							
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ							
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>							
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>							
<b>D</b>	<b>TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP</b>							
<b>I</b>	<b>Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP</b>							
<b>II</b>	<b>Mức dư nợ đầu kỳ (năm)</b>							
<b>III</b>	<b>Trả nợ gốc vay của NSDP</b>							
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc							
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh							
<b>IV</b>	<b>Tổng mức vay của NSDP</b>							
1	Vay để bù đắp bội chi							
2	Vay để trả nợ gốc							
<b>V</b>	<b>Mức dư nợ cuối kỳ (năm)</b>							

Ghi chú: (1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

## DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM ....

(Dùng cho ngân sách tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>					
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)					
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)					
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
	Trong đó:					
<b>1</b>	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý (1)					
<b>2</b>	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý (2)					
<b>3</b>	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)					
<b>4</b>	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)					
<b>5</b>	Thuế thu nhập cá nhân					
<b>6</b>	Thuế bảo vệ môi trường					
<b>7</b>	Lệ phí trước bạ					
<b>8</b>	Thu tiền sử dụng đất					
<b>9</b>	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
<b>10</b>	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế					
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					

**Ghi chú :**

- (1) Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện
- (2) Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (3) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là các doanh nghiệp mà phần vốn do tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.
- (4) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.
- (5) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

## DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...-...

(Dùng cho ngân sách tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (1)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
4	Thu kết dư					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
<b>III</b>	<b>Bội chi NSDP/Bội thu NSDP</b>					
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN</b>					
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Ghi chú: (1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

**DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO CƠ CẤU CHI GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...-...  
(Dùng cho ngân sách tỉnh)**

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (2)	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					
A	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH HUYỆN</b>					
I	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
II	Chi bổ sung có mục tiêu					
B	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC</b>					
I	Chi đầu tư phát triển (1)					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
	- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.					
II	Chi thường xuyên					
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
	- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					

*Ghi chú : (1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do*

*Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).*

*(2) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.*

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ......**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh)

Biểu mẫu số 11

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Kế hoạch năm N-1		Dự kiến kế hoạch đầu tư giai đoạn... giai đoạn ...		
		Dự toán toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (3)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3	4	5
	<b>TỔNG SỐ</b>					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
A	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
I	<b>CHI ĐẦU TƯ CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (1)</b>					
1	<b>Ngân sách cấp tỉnh (2)</b>					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
a	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					
b	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
c	Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức					
	- Bội chi/ bội thu NSDP					
2	<b>Ngân sách huyện</b>					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
	Trong đó:					
a	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					
b	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết (nếu có)					
c	Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức					
II	<b>CHI ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
I	<b>Các chương trình mục tiêu quốc gia</b>					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
a	Chương trình mục tiêu quốc gia ...					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
b	Chương trình mục tiêu quốc gia ...					
	Phân loại như trên					
...	...					
2	<b>Các chương trình mục tiêu</b>					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
a	Chương trình mục tiêu ...					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
b	Chương trình mục tiêu ...					
	Phân loại như trên					
...	...					
B	<b>DỰ PHÒNG THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</b>					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					

**Ghi chú:** (1) Chưa bao gồm chi đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu tại mục II.

(2) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(3) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.



**ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...**

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm...	Ước thực hiện năm...	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>				
1	Thu NSDP hưởng 100%				
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách				
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>				
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Từ nguồn vay để trả nợ gốc</b>				
<b>II</b>	<b>Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân</b>				
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Vay để bù đắp bội chi</b>				
<b>II</b>	<b>Vay để trả nợ gốc</b>				

**Ghi chú:** (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả nợ lãi vay, thu - chi quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và chi trả nợ gốc.

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm...		Ước thực hiện năm...		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>						
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>						
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) (Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế thu nhập cá nhân						
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ						
8	Thu phí, lệ phí						
-	Phí và lệ phí trung ương						
-	Phí và lệ phí tỉnh						
-	Phí và lệ phí huyện						
-	Phí và lệ phí xã, phường						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
12	Thu tiền sử dụng đất						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách						
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						



19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ</b>						

**Ghi chú:**

- (1) Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (2) Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (3) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là các doanh nghiệp mà phần vốn do tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.
- (4) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.
- (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chỉ áp dụng đối với thành phố Hà Nội.



**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm...	Ước thực hiện năm...	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>				
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>				
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>				
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>				
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>				
	<i>Trong đó:</i>				
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>				
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>				
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>				
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>				
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>				
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>				
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>				
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)				
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				

*Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.*

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm ...(hiện hành)	Ước thực hiện năm...(hiện hành)	Dự toán năm...	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>					
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>					
-	Thu NSDP hưởng 100%					
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia					
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>					
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
2	Thu bổ sung có mục tiêu					
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>					
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>					
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>					
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>					
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>					
1	Chi đầu tư phát triển (1)					
2	Chi thường xuyên					
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)					
5	Dự phòng ngân sách					
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>					
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>					
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)</b>					
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)</b>					
<b>I</b>	<b>Từ nguồn vay để trả nợ gốc</b>					
<b>II</b>	<b>Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết</b>					
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)</b>					
<b>I</b>	<b>Vay để bù đắp bội chi</b>					
<b>II</b>	<b>Vay để trả nợ gốc</b>					

**Ghi chú:**

(1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả nợ lãi vay, thu - chi quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và chi trả nợ gốc.

(3) Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm...		Dự toán năm...		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP P
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>						
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>						
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) (Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế thu nhập cá nhân						
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ						
8	Thu phí, lệ phí						
-	Phí và lệ phí trung ương						
-	Phí và lệ phí tỉnh						
-	Phí và lệ phí huyện						
-	Phí và lệ phí xã, phường						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
12	Thu tiền sử dụng đất						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách						
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>						
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>						

**Ghi chú:**

- (1) Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (2) Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (3) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là các doanh nghiệp mà phần vốn do tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.
- (4) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.
- (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chỉ áp dụng đối với thành phố Hà Nội.

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm...	Dự toán năm...	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>				
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (1)</b>				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>				
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>				
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>				
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>				
	<i>Trong đó:</i>				
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>				
2	<i>Chi khoa học và công nghệ (2)</i>				
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương</b>				
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)</b>				
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>				
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>				
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>				
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>				
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)				
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				

Ghi chú:

(1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.



**BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...**

(Dùng cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm...	Dự toán năm...	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NSDP			
B	CHI CÂN ĐỐI NSDP			
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP			
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH			
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	<b>Tổng dư nợ đầu năm</b>			
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>			
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
3	Vay trong nước khác			
II	<b>Trả nợ gốc vay trong năm</b>			
1	<b>Theo nguồn vốn vay</b>			
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
-	Vốn khác			
2	<b>Theo nguồn trả nợ</b>			
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
-	Bội thu NSDP			
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
III	<b>Tổng mức vay trong năm</b>			
1	<b>Theo mục đích vay</b>			
-	Vay để bù đắp bội chi			
-	Vay để trả nợ gốc			
2	<b>Theo nguồn vay</b>			
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
-	Vốn trong nước khác			
IV	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>			
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>			
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
3	Vốn khác			
G	<b>TRẢ NỢ LÃI, PHÍ</b>			



**ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) NĂM...**

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm...	Ước thực hiện năm...	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN)</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>				
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp				
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
-	Thu bổ sung có mục tiêu				
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)				
4	Thu kết dư				
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>				
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh (huyện)				
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách				
-	Chi bổ sung có mục tiêu				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
<b>III</b>	<b>Bội chi NSDP/Bội thu NSDP</b>				
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ)</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>				
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp				
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
-	Thu bổ sung có mục tiêu				
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>				
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện (xã)				
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)				
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách				
-	Chi bổ sung có mục tiêu				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

**Ghi chú:**

(1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện không có thu từ quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP.

(2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán năm...				Ước thực hiện năm...				So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
			Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	<b>TỔNG SỐ (2)</b>												
1	Huyện A												
2													
3	Thành phố TN												
4	Xã A												
5	Phường B												
6	Thị trấn C												
7	.....												

**Ghi chú:**

(1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chi tiết đến từng huyện; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện chi tiết đến từng xã.

(2) Thu NSNN trên địa bàn huyện, xã không có thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Các chỉ tiêu cột 3, 4, 7, 8 chỉ ghi dòng tổng số.



**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG HUYỆN (XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM...**

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa (2)	Bao gồm			II- Thu từ dầu thô (3)	III- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (3)	Bao gồm					
				1. Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	2. Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	...			1. Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	2. Thuế xuất khẩu	3. Thuế nhập khẩu	4. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	5. Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	6. Thu khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG SỐ (2)</b>													
1	Huyện A													
2														
3	Thành phố TN													
6	Xã A													
7	Phường B													
8	Thị trấn C													
9	.....													
23														



Ghi chú: (1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chi tiết đến từng huyện; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện chi tiết đến từng xã.

(2) Thu nội địa chi tiết từng khu vực thu, khoản thu.

(3) Thu NSNN trên địa bàn huyện, xã không có thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Các chỉ tiêu cột 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 chỉ ghi dòng tổng số.

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) THEO CƠ CẤU CHI NĂM...**

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm...	Bao gồm		Ước thực hiện năm...	Bao gồm		So sánh (%)			
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	
A	TỔNG CHI NSDP	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
<b>A</b>	<b>CHI CÁN ĐỘI NSDP</b>										
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>										
1	Chi đầu tư cho các dự án										
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>										
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>										
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>										
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>										
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất										
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết										
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật										
3	Chi đầu tư phát triển khác										
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>										
	<i>Trong đó:</i>										
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
2	Chi khoa học và công nghệ										
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>										
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>										
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>										
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>										
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>										
<b>I</b>	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia										
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)										
<b>II</b>	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ										
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)										
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>										

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM...****(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm...	Ước thực hiện năm...	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>				
<b>A</b>	<b>CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)</b>				
<b>B</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC</b>				
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế				
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi đầu tư khác				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ (2)				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế				
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi thường xuyên khác				
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)</b>				
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)</b>				
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>				
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>				
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				

**Ghi chú:**

(1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả

TỈNH QUẢNG BÌNH

## DANH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM...

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ									
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC									
1	Cơ quan A									
2	Tổ chức B									
3	.....									
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (1)									
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (1)									
IV	CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU DO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (2)									
V	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU									

Ghi chú:

(1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

(2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cố mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.









**DANH GIÁ THỰC HIỆN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Biểu mẫu số 27

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán chi NSDP năm.....										Thực hiện chi NSDP năm.....										So sánh (%)									
		Chi đầu tư phát triển					Trong đó					Chi đầu tư phát triển					Trong đó					Chi đầu tư phát triển					Trong đó				
		Tổng số	Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi đầu tư từ nguồn vốn nước	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi thường xuyên	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (2)	Tổng số	Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (2)	Chi đầu tư từ nguồn vốn nước	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi thường xuyên	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (2)	Tổng số	Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (2)	Chi đầu tư từ nguồn vốn nước	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi thường xuyên	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (2)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=11/1	22=12/2	23=13/3	24=14/4	25=15/5	26=16/6	27=17/7	28=18/8	29=19/9	30=20/10
<b>TỔNG SỐ</b>																															
1	Huyện A																														
2																															
3	Thành phố TN																														
6	Xã A																														
7	Phường B																														
8	Thị trấn C																														
9	.....																														

(1) Chi ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; chi ngân sách huyện chi tiết đến từng xã  
(2) Theo quy định tại Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Đơn vị: triệu đồng



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI  
NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM...**

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên quỹ	Số dư nguồn đến ngày 31/12/ ... (năm trước)	Kế hoạch năm...				Ước thực hiện năm...				Số dư nguồn đến 31/12/ ... (năm hiện hành)	
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm		
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)				
A	B	1	2	3	4	5=1+2-4	6	7	8	9=6-8	10= 1+6-8	
1	Quỹ A											
2	Quỹ B											
3	Quỹ C											
4	.....											
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												
13												
14												
15												



**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM...**

**(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN)**

**(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Kế hoạch năm...	Ước thực hiện năm...	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG SỐ</b>			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>			
-	<i>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			
7	.....			
8				
9				
10				

TAY N.

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) NĂM....**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm... (hiện hành)	Ước thực hiện năm... (hiện hành)	Dự toán năm...	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN)</b>					
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)					
4	Thu kết dư					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh (huyện)					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
<b>III</b>	<b>Bội chi NSDP/Bội thu NSDP (1)</b>					
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ)</b>					
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện (xã)					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

**Ghi chú:**

- (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện không có thu từ quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP.
- (2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.
- (3) Đối với các chi tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chi tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.



**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị (1)	Ước thực hiện năm...				Dự toán năm...				So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
			Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK
A	B	1	1	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	<b>TỔNG SỐ (2)</b>												
1	Huyện A												
2													
3	Thành phố TN												
4	....												
5	Xã A												
6	Phường B												
7	Thị trấn C												

**Ghi chú:**

- (1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chi tiết đến từng huyện; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện chi tiết đến từng xã.
- (2) Thu NSNN trên địa bàn huyện, xã không có thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Các chỉ tiêu cột 3, 4, 7, 8 chỉ ghi dòng tổng số.

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG HUYỆN (XÃ) THEO LĨNH VỰC  
NĂM...  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa (2)	Bao gồm			II- Thu từ dầu thô (3)	III- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (3)	Bao gồm					
				1. Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	2. Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	...			1. Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	2. Thuế xuất khẩu	3. Thuế nhập khẩu	4. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	5. Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	6. Thu khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG SỐ</b>													
1	Huyện A													
2														
3	Thành phố TN													
4														
5	.....													
6	Xã A													
7	Phường B													
8	Thị trấn C													
9	.....													
10														
11														

- Ghi chú:**
- (1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính chi tiết đến từng huyện; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện chi tiết đến từng xã.
  - (2) Thu nội địa chi tiết từng khu vực thu, khoản thu.
  - (3) Thu NSNN trên địa bàn huyện, xã không có thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Các chi tiêu cột 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 chỉ ghi dòng tổng số.

DÂN

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) THEO CƠ CẤU CHI NĂM...**

**(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1=2+3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
	<b>TỔNG CHI NSĐP</b>			
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSĐP</b>			
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (1)</b>			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>			
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>			
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>			
2	<i>Chi khoa học và công nghệ (2)</i>			
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)</b>			
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>			
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>			
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>			
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>			

**Ghi chú:**

(1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	
A	<b>CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)</b>	
B	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC</b>	
I	<b>Chi đầu tư phát triển (2)</b>	
I	Chi đầu tư cho các dự án	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ	
-	Chi quốc phòng	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	
-	Chi văn hóa thông tin	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
-	Chi thể dục thể thao	
-	Chi bảo vệ môi trường	
-	Chi các hoạt động kinh tế	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
-	Chi bảo đảm xã hội	
-	Chi đầu tư khác	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	<b>Chi thường xuyên</b>	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	
-	Chi quốc phòng	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	
-	Chi văn hóa thông tin	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
-	Chi thể dục thể thao	
-	Chi bảo vệ môi trường	
-	Chi các hoạt động kinh tế	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
-	Chi bảo đảm xã hội	
	Chi thường xuyên khác	
III	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (3)</b>	
IV	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (3)</b>	
V	<b>Dự phòng ngân sách</b>	
VI	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	
C	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>	

Ghi chú:

(1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(3) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

T A V

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>TỔNG SỐ</b>												
<b>I CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC</b>												
1	Cơ quan A											
2	Tổ chức B											
3	.....											
<b>II CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (1)</b>												
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (1)											
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH											
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG											
VI	CHI BỔ SUNG CỎ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (2)											
VII	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU											

Ghi chú:

- (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.  
 (2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp.





**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TÒ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM...**

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác	
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	<b>TỔNG SỐ</b>																	
1	Cơ quan A																	
2	Tổ chức B																	
3	.....																	

*Đơn vị: Triệu đồng*



**DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) NĂM...**

Biểu mẫu số 38

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng số	Chương trình mục tiêu quốc gia...						Chương trình mục tiêu quốc gia...										
			Trong đó		Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp								
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước						
A	B	1=+3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+1 5	12=13+1 4	13	14	15=16+1 7	16	17	
I	Ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã)																		
1	Cơ quan A																		
2	Tổ chức B																		
3	.....																		
II	Ngân sách huyện (xã)																		
1	Huyện A																		
2																			
3	Thành phố TN																		
4	Xã A																		
5	Phường B																		
6	Thị trấn C																		

**Ghi chú: (1) Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách tỉnh chi tiết đến từng cơ quan, tổ chức và từng huyện. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách huyện chi tiết đến từng xã. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách xã chi tiết đến từng cơ quan, tổ chức.**



**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM...**

(Dùng cho ngân sách tỉnh - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)

Đơn vị: %

STT	Tên đơn vị	Chi tiết theo sắc thuế			
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	.....	.....
A	B	1	2	3	4
1	Huyện A				
2					
3	Thành phố TN				
4	Xã A				
5	Phường B				
6	Thị trấn C				
7	.....				





**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM...**  
**(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng chi ngân sách địa phương	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương										Chi chương trình mục tiêu			Chi chuyển nguồn sang năm sau				
			Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên					Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương		Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
			Trong đó		Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (2)									
1	2	3	4	5				6	7			8	9	10	11	12	13	14	15-16+	16
A	B	1-2+15 +19	2-3+9+	3-6+7+8	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15-16+	16	17	18	19
	<b>TỔNG SỐ</b>		12+13+14													17+18				
1	Huyện A																			
2	Quận B																			
3	Thành phố C																			
4	Thị xã D																			
5	.....																			
6	Xã A																			
7	Phường B																			
8	Thị trấn C																			
9	.....																			

Ghi chú:  
(1) Chi ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; chi ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.  
(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

**DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	<b>TỔNG SỐ</b>				
1	Huyện A				
2					
3	Thành phố TN				
4	Xã A				
5	Phường B				
6	Thị trấn C				
7	.....				

Ghi chú: (1) Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh chi tiết đến từng huyện. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.

12/11/2018



**DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH TỈNH HUYỆN (XÃ) ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng số			Chương trình...			Chương trình...			....
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10
	<b>TỔNG SỐ</b>										
1	Huyện A										
2											
3	Thành phố TN										
4	Xã A										
5	Phường B										
6	Thị trấn C										
7	.....										
8											
9											
10											

*Ghi chú: (1) Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.*



**DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU VỐN SỰ NGHIỆP TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN (XÃ)  
ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, NHIỆM VỤ VÀ CHÍNH SÁCH THEO QUY ĐỊNH NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng số			Chính sách ....			Chính sách ....			Đơn vị: Triệu đồng
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10
1	Huyện A										
2											
3	Thành phố TN										
4	Xã A										
5	Phường B										
6	Thị trấn C										
7	.....										
8											
9											
10								....			
11											
12											

*Ghi chú: (1) Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.*





**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...**  
**(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)**

Biểu mẫu số 46

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm....											
						Tổng mức đầu tư được duyệt					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
						5	6	7	8			9	10	11		12	13	14		15	16	17	18	19	20	
A						B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
						Tổng số																				
A	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH.....																									
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, HUYỆN (XÃ)....																									
1	Chuồn bị đầu tư																									
-	Dự án A																									
-	.....																									
2	Thực hiện dự án																									
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm ... sang giai đoạn 5 năm ....																									
-	Dự án B																									
-	.....																									
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm ....																									
-	Dự án C																									
-	.....																									
II	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, HUYỆN (XÃ)....																									
	Phân loại như trên																									
B	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH...																									
	Phân loại như mục A nêu trên																									
-	.....																									

**KẾ HOẠCH THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM...**  
**(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN)**

**(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Kế hoạch năm...	Ước thực hiện năm...	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG SỐ</b>			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>			
-	<i>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			
7	.....			
8				
9				
10				



**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>				
-	Thu NSDP hưởng 100%				
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách				
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>				
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Từ nguồn vay để trả nợ gốc</b>				
<b>II</b>	<b>Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh</b>				
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Vay để bù đắp bội chi</b>				
<b>II</b>	<b>Vay để trả nợ gốc</b>				
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP</b>				

**Ghi chú:** (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và trả nợ gốc vay.

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) NĂM...**

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN)</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>			
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Bổ sung cân đối ngân sách			
-	Bổ sung có mục tiêu			
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)			
4	Thu kết dư			
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>			
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh (huyện)			
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm, kết dư ngân sách cấp tỉnh (1)</b>			
<b>IV</b>	<b>Bội chi NSDP/Kết dư NSDP (1)</b>			
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ)</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>			
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách			
-	Thu bổ sung có mục tiêu			
3	Thu kết dư			
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>			
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện (xã)			
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
<b>III</b>	<b>Kết dư</b>			

**Ghi chú:**

(1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện không có thu từ quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ gốc và bội chi NSDP.

(2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

**QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)</b>						
A	<b>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</b>						
I	<b>Thu nội địa</b>						
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) (Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế thu nhập cá nhân						
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ						
8	Thu phí, lệ phí						
-	Phí và lệ phí trung ương						
-	Phí và lệ phí tỉnh						
-	Phí và lệ phí huyện						
-	Phí và lệ phí xã, phường						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
12	Thu tiền sử dụng đất						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách						
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	<b>Thu từ dầu thô</b>						
III	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	<b>Thu viện trợ</b>						
B	<b>THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH</b>						
C	<b>THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC</b>						
D	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG</b>						

**Ghi chú:**

(1) Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.

(2) Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.

(3) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là các doanh nghiệp mà phần vốn do tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.

(4) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.

(5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chỉ áp dụng đối với thành phố Hà Nội.

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>			
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>			
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>			
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>			
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>			
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>			
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>			
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>			
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>			
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>			
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>			
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>			
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>			
	<i>(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)</i>			
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>			

**Ghi chú:** (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM...**  
**(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>				
<b>A</b>	<b>CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)</b>				
<b>B</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC</b>				
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế				
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi đầu tư khác				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ (2)				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế				
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi thường xuyên khác				
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)</b>				
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)</b>				
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>				
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>				
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				

Ghi chú:

(1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) THEO CƠ CẤU CHI NĂM...**

**(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm...	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1=2+3</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4=5+6</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7=4/1</b>	<b>8=5/2</b>	<b>9=6/3</b>
	<b>TỔNG CHI NSĐP</b>									
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSĐP</b>									
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>									
<b>1</b>	Chi đầu tư cho các dự án									
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>									
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>									
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>									
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>									
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>									
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>									
<b>2</b>	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật									
<b>3</b>	Chi đầu tư phát triển khác									
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>									
	<i>Trong đó:</i>									
<b>1</b>	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>									
<b>2</b>	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>									
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>									
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>									
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>									
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>									
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>									
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>									
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)									
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>									
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)									
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>									

**Ghi chú:** (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán								So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	...	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG		Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	...	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	<b>TỔNG SỐ</b>															
I	<b>CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC</b>															
1	Cơ quan A															
2	Tổ chức B															
3	.....															
II	<b>CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)</b>															
III	<b>CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)</b>															
IV	<b>CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>															
V	<b>CHI TÀO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG</b>															
VI	<b>CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)</b>															
VII	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU</b>															

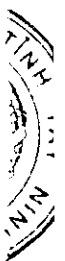
**Ghi chú:**  
 (1) Dự toán chi ngân sách địa phương chi tiết theo các chi tiêu tương ứng phần quyết toán chi ngân sách địa phương.  
 (2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.  
 (3) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Đơn vị: Triệu đồng









**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán (2)				Quyết toán										Đơn vị: Triệu đồng			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	...	Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Chi CTMTQG		Chi chuyên nguồn sang năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	...				
						Trong đó	Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Trong đó	Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (3)								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 4/1	16= 5/2	17	
	<b>TỔNG SỐ</b>																		
1	Huyện A																		
2	Quận B																		
3	Thành phố C																		
4	Thị xã D																		
5	.....																		
6	Xã A																		
7	Phường B																		
8	Thị trấn C																		
9	.....																		

**Ghi chú:**

- (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.
- (2) Dự toán chi ngân sách địa phương chi tiết theo các chi tiêu tương ứng phần Quyết toán chi ngân sách địa phương.
- (3) Theo quy định tại Điều 7, Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

**QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán										Quyết toán										So sách (%)							
		Bổ sung có mục tiêu					Bổ sung có mục tiêu					Bổ sung có mục tiêu					Bổ sung có mục tiêu					Bổ sung có mục tiêu							
		Tổng số	Bổ sung cần đối sách	Tổng số	Gồm	Vốn đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia	Tổng số	Bổ sung cần đối sách	Tổng số	Gồm	Vốn đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia	Tổng số	Bổ sung cần đối sách	Tổng số	Gồm	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia					
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8				
1	Huyện A																												
2	Thành phố TN																												
3	Xã A																												
4	Phường B																												
5	Thị trấn C																												
6	.....																												
7																													
8																													
9																													
10																													
11																													
12																													
13																													

*Ghi chú: (1) Bổ sung từ ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; bổ sung từ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.*

Đơn vị: Triệu đồng



**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó				
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu từ kết dư năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG SỐ</b>						
1	Huyện A						
2							
3	Thành phố TN						
4	Xã A						
5	Phường B						
6	Thị trấn C						
7	.....						
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							



**QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM...**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Biểu mẫu số 61

STT	Nội dung (1)	Dự toán				Quyết toán										So sánh (%)					
		Tổng số	Trong đó		...	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia ....				...	Tổng số	Trong đó						
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp			Chi đầu tư phát triển	Chia ra		Kinh phí sự nghiệp	Chia ra				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=5/1	17=6/2	18=7/3	19=8/4	
	<b>TỔNG SỐ</b>																				
<b>I</b>	<b>Ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã)</b>																				
1	Cơ quan A																				
2	Tổ chức B																				
3	.....																				
<b>II</b>	<b>Ngân sách huyện (xã)</b>																				
1	Huyện A																				
2																					
3	Thành phố TN																				
4	Xã A																				
5	Phường B																				
6	Tại trấn C																				
7	.....																				
8																					
9																					

*Ghi chú: (1) Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách tỉnh chi tiết đến từng cơ quan, tổ chức và từng huyện. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách huyện chi tiết đến từng xã. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách xã chi tiết đến từng cơ quan, tổ chức.*

Đơn vị: Triệu đồng



**QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM...**  
**(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)**

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian công - hoàn thành	Quyết định đầu tư										Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...	Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/....	DỰ TOÁN					QUYẾT TOÁN					Số sách (%)				
					Tổng mức đầu tư được duyệt					Chia theo nguồn vốn							Chia theo nguồn vốn					Chia theo nguồn vốn									
					Số quyết định, ngày, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoại nước		Ngân sách trung ương	Tổng số	Ngoại nước		Ngân sách trung ương	Tổng số			Ngoại nước		Ngân sách trung ương	Tổng số	Ngoại nước		Ngân sách trung ương	Tổng số	Ngoại nước		Ngân sách trung ương				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25-31/17	26-22/18	27-23/19	28-24/20		
	Tổng số																														
A	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH, ...																														
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, HUYỆN (Xã) ....																														
1	Chiến bị đầu tư																														
-	Dự án A																														
-	.....																														
2	Thực hiện dự án																														
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm ... sang giai đoạn 5 năm ...																														
-	Dự án B																														
-	.....																														
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm ...																														
-	Dự án C																														
-	.....																														
II	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, HUYỆN (Xã) ....																														
	Phân loại như trên																														
B	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH, ...																														
	Phân loại như mục A nêu trên																														
-	.....																														

Đơn vị: Triệu đồng

**TỔNG HỢP CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**  
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

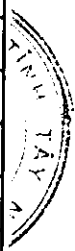
STT	Tên Quỹ	Dự nguồn đến ngày 31/12/ ... (năm trước)	Kế hoạch năm...				Thực hiện năm...				Dự nguồn đến 31/12/ ...	
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm		
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)				
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8	
1	Quỹ A											
2	Quỹ B											
3	Quỹ C											
4	.....											
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
12												
13												
14												
15												



**TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM...**  
**(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)**  
**(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Kế hoạch năm...	Thực hiện năm...	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG SỐ</b>			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>			
-	<i>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			
7	.....			
8				
9				
10				



Tên đơn vị:...

**DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NSNN TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ LỆ PHÍ GIAI ĐOẠN NĂM ...-...**

Đơn vị: triệu

STT	Chỉ tiêu	Năm N-1		Dự toán năm N	Dự toán năm N+1	Dự toán năm N+2	Dự toán năm N+...	Ghi chú
		Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	...	...
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP PHÍ, LỆ PHÍ</b>							
<b>I</b>	<b>Số thu lệ phí (chi tiết tên từng loại lệ phí)</b>							
-	Lệ phí .....							
-	Lệ phí .....							
<b>II</b>	<b>Số thu phí</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng số thu phí (chi tiết tên từng loại phí)</b>							
-	Phí .....							
-	Phí .....							
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại (chi tiết tên từng loại phí của từng</b>							
<b>a</b>	<b>Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề</b>							
-	Phí .....							
-	Phí .....							
<b>b</b>	<b>Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</b>							
-	Phí .....							
-	Phí .....							
<b>c</b>	<b>Chi....</b>							
<b>3</b>	<b>Số phí nộp ngân sách nhà nước (chi tiết tên từng loại phí)</b>							
-	Phí .....							
-	Phí .....							
<b>III</b>	<b>Tổng số thu lệ phí, phí nộp ngân sách nhà nước (I+II.3)</b>							

**Ghi chú:** Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

ĐÓNG DẤU



Tên đơn vị:.....  
Chương:.....

Biểu mẫu số 66

### BÁO CÁO BIÊN CHẾ - TIỀN LƯƠNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ GIAI ĐOẠN NĂM .....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC/TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm N-1 (năm hiện hành)					Ước thực hiện năm N-1 (năm hiện hành)					Dự toán năm N (năm kế hoạch)				Dự toán năm N+...					
		Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quý lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (Người)	Trong đó:			Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quý lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương chế có (Người)	Trong đó:			Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quý lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Trong đó:		Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quý lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Trong đó:			
				Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương			Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương			Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương			Các khoản đóng góp theo lương	Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương
A	B	1	2-3+4+5	3	4	5	6	7	8-9+10+11	9	10	11	12	13=14+15+16	14	15	16	...			
<b>TỔNG SỐ</b>																					
1	Đơn vị.....																				
2	Đơn vị.....																				
...	.....																				

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

## CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ GIAI ĐOẠN NĂM ...-...

ST T	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	...	
I	Các cấp học và trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp								
1	Giáo dục phổ thông (chi tiết: tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)								
1.1	Số trường	Trường							
	(Chi tiết số trường theo mức độ tự chủ theo quy định)								
1.2	Số học sinh	Người							
a	Số học sinh ra trường	Người							
b	Số học sinh tuyển mới	Người							
c	Số học sinh có mặt tại thời điểm 31/5	Người							
d	Số học sinh bình quân (1)	Người							
	Trong đó - Số học sinh được miễn học phí	Người							
	- Số học sinh được giảm học phí	Người							
	- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	Người							
	- Số học sinh được hỗ trợ ...	Người							
1.3	Tổng kinh phí NSNN cấp	Triệu đồng							
a	Kinh phí giao tự chủ								
	- Quỹ lương và các khoản có tính chất lương	Triệu đồng							
	- Chi hoạt động chuyên môn, quản lý	Triệu đồng							
	- Chi....	Triệu đồng							
b	Kinh phí không giao tự chủ								
	Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách	Triệu đồng							
2	Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết sơ cấp, trung cấp, cao đẳng,...)								
	Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1								
3	Giáo dục đại học và sau đại học								
	Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1								
4	...								
II	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ công chức Nhà nước								
1	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước								
2	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài								

**Ghi chú:** Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Tên đơn vị:.....

Chương:.....

**CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH GIAI ĐOẠN NĂM ....**

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	...	
<b>I</b>	<b>Cơ sở khám, chữa bệnh</b>								
1	Số cơ sở	cơ sở							
	<i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>								
2	Số giường bệnh	giường bệnh							
3	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt	người							
<b>II</b>	<b>Cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng</b>								
1	Số cơ sở	cơ sở							
	<i>(Chi tiết cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>								
2	Số giường bệnh	giường bệnh							
3	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt	người							
<b>III</b>	<b>Cơ sở y tế dự phòng</b>								
1	Số cơ sở	cơ sở							
	<i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>								
2	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt	người							
<b>IV</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp y tế, chuyên ngành đặc thù</b>								
1	Số cơ sở	cơ sở							
	<i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>								
2	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt	người							
<b>V</b>	<b>Tổng kinh phí NSNN cấp</b>	triệu đồng							
<b>1</b>	<b>Nhiệm vụ khám chữa bệnh</b>								
a	Kinh phí giao tự chủ								
	- Chi lương và các khoản có tính chất lương	triệu đồng							
	- Chi quản lý	triệu đồng							
	- Chi hoạt động chuyên môn	triệu đồng							
	- Chi...	triệu đồng							
b	Kinh phí không giao tự chủ	triệu đồng							
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>								
<b>2</b>	<b>Nhiệm vụ phòng bệnh</b>								
a	Kinh phí giao tự chủ								
	- Chi lương và các khoản có tính chất lương	triệu đồng							
	- Chi quản lý	triệu đồng							
	- Chi hoạt động chuyên môn	triệu đồng							
	- Chi...	triệu đồng							
b	Kinh phí không giao tự chủ	triệu đồng							
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>								
<b>3</b>	<b>Nhiệm vụ...</b>								
a	...								

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



STT	Chương trình/Dự án/Dự án/Nhiệm vụ KH&CN (Nếu cụ thể tên từng đề tài, dự án khoa học thuộc các nhóm nhiệm vụ)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Kinh phí được phê duyệt			Năm N-1 (năm hiện hành)				Lấy kế KTC đã bố trí đến hết năm N-1 (năm hiện hành)		Dự toán bố trí năm N (năm kế hoạch)		Dự toán bố trí năm N+1		Dự toán bố trí năm N+2		Dự toán bố trí năm N+...		Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Kinh phí bố trí từ NSNN		Kinh phí thực hiện từ nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số		Nguồn NSNN	Nguồn khác
						Nguồn NSNN	Nguồn khác		Dự	Ước thực hiện đến hết năm - (năm hiện hành)														
	Đề tài/Dự án... (Tên đề tài dự án)																							
	Đề tài/Dự án... (Tên đề tài dự án)																							
2	Các đề án/dự án/kế tài cấp Bộ/tỉnh																							
	Đề án/Dự án/Đề tài... (Tên đề án, dự án, đề tài)																							
	Đề án/Dự án/Đề tài... (Tên đề án, dự án, đề tài)																							
	Đề án/Dự án/Đề tài... (Tên đề án, dự án, đề tài)																							
	Đề án/Dự án/Đề tài... (Tên đề án, dự án, đề tài)																							
III.2	Nhiệm vụ mới																							
	Đề án/Dự án/Đề tài... (Tên đề án, dự án, đề tài)																							
	Đề án/Dự án/Đề tài... (Tên đề án, dự án, đề tài)																							
	Đề án/Dự án/Đề tài... (Tên đề án, dự án, đề tài)																							
IV	Các hoạt động dịch vụ công/Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng/loại động thường xuyên theo cơ chế khoán																							
	Nhiệm vụ... (Tên nhiệm vụ)																							
	Nhiệm vụ... (Tên nhiệm vụ)																							
	Nhiệm vụ... (Tên nhiệm vụ)																							
V	Các nhiệm vụ khác được cơ quan có thẩm quyền cấp																							
	Nhiệm vụ... (Tên nhiệm vụ)																							
	Nhiệm vụ... (Tên nhiệm vụ)																							

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

**CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN GIAI ĐOẠN NĂM ....**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	....	
<b>I</b>	<b>Quỹ lương</b>								
1	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao								
2	Số người làm việc thực tế								
3	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tính theo số người làm việc thực tế								
<b>II</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên</b>								
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trong lĩnh vực văn hóa thông tin (chi tiết theo từng nội dung)</b>								
1.1	Kinh phí thực hiện chính sách....								
a	Số lượng								
b	Định mức								
c	Kinh phí thực hiện								
1.2	Kinh phí thực hiện chính sách....								
a	Số lượng								
b	Định mức								
c	Kinh phí thực hiện								
1.3	.....								
<b>2</b>	<b>Các khoản chi thường xuyên khác (1)</b>								
	.....								
	.....								
<b>III</b>	<b>Các nhiệm vụ không thường xuyên (1)</b>								
	<i>Chi tiết theo từng nhiệm vụ chi</i>								
	.....								
	.....								

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

## CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN GIAI ĐOẠN NĂM ....

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	...	
<b>A</b>	<b>Cơ sở tính</b>								
<b>I</b>	<b>Đối với khối đơn vị sản xuất</b>								
1	Số lượng tin bài								
2	Số giờ phát sóng								
3	Số lượng xuất bản								
4	Các yếu tố khác (số lượng đơn vị truyền dẫn, số kênh...) (1)								
<b>II</b>	<b>Đối với khối đơn vị giúp việc (không trực tiếp sản xuất)</b>								
1	Định biên về nhân sự								
2	Hệ số điều chỉnh (nếu có)								
3	Các yếu tố khác (1)								
<b>B</b>	<b>Tổng số kinh phí</b>								
<b>I</b>	<b>Kinh phí giao tự chủ</b>								
1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương								
2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý								
3	Chi...								
	.....								
<b>II</b>	<b>Kinh phí không giao tự chủ (1)</b>								
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi</i>								
	.....								

**Ghi chú:** Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

**CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO GIAI ĐOẠN NĂM ....**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	...	
<b>I</b>	<b>Quỹ lương</b>								
1	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao								
2	Số người làm việc thực tế								
3	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tính theo số người làm việc thực tế								
<b>II</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>								
1	Kinh phí tập huấn vận động viên								
1.1	Chi tiền ăn								
a	Huấn luyện viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
b	Vận động viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
1.2	Chi tiền công								
a	Huấn luyện viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
b	Vận động viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
1.3	Chi tiền thuê chuyên gia								
	Số lượng chuyên gia nước ngoài								
	Định mức chi/chuyên gia								
	Kinh phí chi tiền công cho chuyên gia								
2	Kinh phí đoàn tập huấn, tham dự các giải thi đấu thể thao ở nước ngoài								
2.1	Tên đoàn: .....								
	Số lượng người tham gia								
	Kinh phí thực hiện								
2.2	.....								
3	Kinh phí mua trang thiết bị thường xuyên cho VDV,								
3.1	Trang thiết bị .....								
a	Huấn luyện viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
b	Vận động viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
3.2	Trang thiết bị .....								
4	Các khoản chi thường xuyên khác								
	.....								
<b>III</b>	<b>Các nhiệm vụ không thường xuyên</b>								
	Chi tiết theo từng nhiệm vụ chi								
	.....								

**Ghi chú:** Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



Tên đơn vị:.....  
 Chương:.....

Biểu mẫu số 73

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI — DOẠN NĂM .....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ.... đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Thực hiện các năm trước	Năm N-1 (năm hiện hành)		Ưy kế số bổ sung trị đến hết năm N-1 (năm hiện hành)	Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+... ...	Ghi chú
						Dự toán	Ước thực hiện						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	...	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án về bảo vệ môi trường												
I	Nhiệm vụ, dự án chuyên tiếp												
	- Nhiệm vụ/dự án .....												
	- Nhiệm vụ/dự án .....												
	...												
2	Dự án mở mới (1)												
	- Nhiệm vụ/dự án .....												
	- Nhiệm vụ/dự án .....												
	...												
II	Kinh phí hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm theo quyết định của cấp có thẩm quyền												
1	Dự án chuyên tiếp												
	- Dự án.....												
	- Dự án.....												
	.....												
2	Dự án mở mới (1)												
	- Dự án.....												
	- Dự án.....												
III	Các hoạt động môi trường khác (1)												
	- Nhiệm vụ.....												
	- Nhiệm vụ.....												

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

**CƠ SỞ TÍNH CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN NĂM ....**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
		Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	...	
	<b>Tổng số</b>							
<b>1</b>	<b>Chi hoạt động nghiệp vụ (1)</b>							
a	Sự nghiệp giao thông							
	- Chi hoạt động kinh tế đường bộ							
	- Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa							
	.....							
b	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp và phát triển nông thôn							
	- Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp							
	- Chi hoạt động kinh tế thủy lợi							
	- Chi hoạt động kinh tế thủy sản							
	- Chi hoạt động kinh tế lâm nghiệp							
	.....							
c	Sự nghiệp tài nguyên							
	.....							
	.....							
d	Chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia							
	Trong đó (ghi rõ từng mặt hàng, đơn giá)							
	- Mặt hàng .....							
	- Mặt hàng .....							
	.....							
đ	Chi sự nghiệp kinh tế khác							
2	Chi điều tra cơ bản							
3	Chi quy hoạch							
4	Trợ giá giữ đàn giống gốc (1)							
5	Chi các hoạt động kinh tế khác (1)							

**Ghi chú:** Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



Tên đơn vị:.....

Chương:.....

**CHI TIẾT CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THEO CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN GIAI ĐOẠN NĂM ....**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ... đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Lũy kế số bố trí đến hết năm N-1 (năm hiện hành)	Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	...	
<b>I</b>	<b>Chi hoạt động điều tra cơ bản</b>									
1	Dự án chuyên tiếp									
	- Dự án....									
	- Dự án....									
	.....									
2	Dự án mở mới (1)									
	- Dự án....									
	- Dự án....									
	.....									
<b>II</b>	<b>Chi hoạt động quy hoạch</b>									
1	Dự án chuyên tiếp									
	- Dự án....									
	- Dự án....									
	.....									
2	Dự án mở mới									
	- Dự án....									
	- Dự án....									
<b>III</b>	<b>Các chương trình/dự án khác</b>									
	- Dự án....									
	- Dự án....									

**Ghi chú:** Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



Tên đơn vị:.....

Chương:.....

**CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỔI VỚI CÁC ĐỔI TỰ ĐỘNG THUỘC LĨNH VỰC BẢO ĐÀM XÃ HỘI GIAI ĐOẠN NĂM .....**

Đơn vị: *Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Năm N-1 (năm hiện hành)			Kế hoạch năm N (năm kế hoạch)			Kế hoạch năm N+1			Kế hoạch năm N+2			Kế hoạch năm N+...			Ghi chú
		Số đổi tương	Dự toán được giao	Ước thực hiện	Số đổi tương	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Số đổi tương	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm N+1	Số đổi tương	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm N+2	Số đổi tương	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm N+...	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	...			
	<b>TỔNG SỐ (1+2+3+4+5+6)</b>																
1	Chi điều trị (chi tiết từng đổi tương cụ thể theo quy định của pháp luật) - Đổi tương.....																
2	Chi trợ cấp của đổi tương (chi tiết từng đổi tương cụ thể theo quy định của pháp luật) - Đổi tương..... - Đổi tương.....																
3	Chi các chính sách, chế độ cho đổi tương (chi tiết từng chính sách, chế độ cụ thể theo quy định của pháp luật) - Chính sách..... - Chính sách.....																
4	Chi phục vụ đổi tương - Điện, nước, vệ sinh môi trường, vật tư chuyên dùng, xăng dầu... - Chi mua sắm TSCĐ, trang thiết bị y tế, sửa chữa lớn <i>Trong đó:</i> + Mua ô tô + Mai táng phí																
5	Chi thăm hỏi, đôn tiếp đổi tương, thăm nhà người có công - Nội dung..... - Nội dung..... - Nội dung.....																
6	Chi cho công việc - Nội dung..... - Nội dung.....																

**Ghi chú:** Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

**CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG GIAI ĐOẠN NĂM ....**

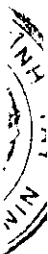
STT	Chỉ tiêu	ĐỐI TƯỢNG (người)		SỐ TIỀN (triệu đồng)					Ghi chú	
		Ước thực hiện năm N-1 (năm hiện hành)	Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Dự toán năm N+1	Dự toán năm N+2		Dự toán năm N+...
				Dự toán được giao	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	...	
	<b>TỔNG SỐ</b>									
I	<b>TRỢ CẤP MỘT LẦN</b> (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)									
1	Đối tượng .....									
2	Đối tượng .....									
...	.....									
II	<b>TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG</b> (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)									
1	Đối tượng .....									
2	Đối tượng .....									
...	.....									
III	<b>BẢO HIỂM Y TẾ</b> (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)									
1	Đối tượng .....									
2	Đối tượng .....									
...	.....									
IV	<b>CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI KHÁC</b> (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)									
1	Đối tượng .....									
2	Đối tượng .....									
...	.....									
V	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ</b> (chi tiết các nội dung theo quy định của pháp luật)									
1	Nội dung .....									
2	Nội dung .....									
...	.....									
VI	<b>CHI CHO CÁC CÔNG VIỆC</b> (chi tiết các nội dung theo quy định của pháp luật)									
1	Nội dung .....									
2	Nội dung .....									
...	.....									

**Ghi chú:** Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



Tên đơn vị:.....  
 Chương:.....

**CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI GIAI ĐOẠN NĂM ....**

STT	Nhóm đối tượng	Dự toán năm N-1 (năm hiện hành)			Dự toán năm N (năm kế hoạch)			Dự toán năm N+1			Dự toán năm N+2			Dự toán năm N+...			Ghi chú	
		Số đối tượng	Hệ số	Dự toán được giao (trệu đồng)	Ước thực hiện (trệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số	Kinh phí (trệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số	Kinh phí (trệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số	Kinh phí (trệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số		Kinh phí (trệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	...			
1	Trợ cấp và nuôi dưỡng hàng tháng tại cộng đồng																	
1	Trợ cấp xã hội (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)																	
1.1	Đối tượng:.....																	
1.2	Đối tượng:.....																	
1.3	.....																	
2	Hỗ trợ chi phí chăm sóc (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)																	
2.1	Đối tượng:.....																	
2.2	Đối tượng:.....																	
2.3	.....																	
3	Nuôi dưỡng trong cơ sở BTXH (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)																	
3.1	Đối tượng:.....																	
3.2	Đối tượng:.....																	
3.3	.....																	
II	Kinh phí mua thẻ BHYT																	
III	Mai táng phí																	
A	TỔNG TRỢ CẤP THƯỜNG XUYÊN (I+II+III)																	
B	TRỢ CẤP ĐỢT XUẤT																	
	TỔNG CỘNG (A+B)																	

**Ghi chú:** Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký tên, đóng dấu)